

Ngoại giao công nghệ và bảo vệ chủ quyền số: nhận thức mới và định hướng chiến lược cho Việt Nam

26/05/2026 14:05

TS NGUYỄN THỊ THU NGÀ

Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

DOI: <https://doi.org/10.70786/PTOJ.2026.4849>

Tóm tắt: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tái định hình bản chất quyền lực quốc gia và quan hệ quốc tế. Không gian mạng đã trở thành chiều kích chủ quyền mới, hạ tầng số trở thành tài sản chiến lược quốc gia. Bài viết phân tích nội hàm ngoại giao công nghệ và chủ quyền số, nhận diện những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt, từ đó đề xuất một số định hướng, giải pháp đột phá để Việt Nam bảo vệ chủ quyền trên môi trường số, khẳng định vị thế quốc gia hùng cường trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

1. Mở đầu

Thế giới đang bước vào một cuộc tái định hình quyền lực mang tính thời đại. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ thay đổi cách con người sản xuất và giao tiếp, mà còn thay đổi bản chất của quyền lực quốc gia, cấu trúc quan hệ quốc tế và những giá trị mà quốc gia cần bảo vệ để tồn tại và phát triển. Sức mạnh quốc gia không còn được đo chủ yếu bằng quy mô quân đội hay tổng sản phẩm quốc nội, mà ngày càng gắn với khả năng kiểm soát các công nghệ cốt lõi, làm chủ hạ tầng số chiến lược và định hình các tiêu chuẩn kỹ thuật số toàn cầu. Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc đã dịch chuyển trọng tâm sang lĩnh vực công nghệ. Cuộc đua về chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán lượng tử và hạ tầng viễn thông thế hệ mới đang tái định hình bản đồ địa chính trị toàn cầu nhanh hơn bất kỳ cuộc chiến tranh thương mại hay xung đột quân sự nào.

Bối cảnh quốc tế mang đến cho Việt Nam cả thách thức và cơ hội để phát triển bứt phá. Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới với mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Khát vọng đó chỉ có thể thành hiện thực khi Việt Nam tạo được đột phá về lực lượng sản xuất mới, gắn liền với khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Đây không phải lựa chọn, mà là con đường tất yếu để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình và tránh nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bền vững.

Nhận thức sâu sắc đòi hỏi lịch sử đó, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, thể hiện quyết tâm chính trị. Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là “đột phá quan trọng hàng đầu” với yêu cầu xuyên suốt: bảo đảm chủ

quyền, an ninh mạng và an toàn thông tin là không thể tách rời trong toàn bộ quá trình phát triển (Bộ Chính trị, 2024). Nghị quyết số 59-NQ/TW (24/01/2025) định hướng hội nhập quốc tế sâu rộng về khoa học và công nghệ trên nguyên tắc độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường (Bộ Chính trị, 2025).

Tiếp nối mạch tư duy nhất quán đó, Đại hội XIV của Đảng (tháng 01/2026) xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là “động lực trung tâm của phát triển”, đồng thời coi việc bảo vệ “an ninh dữ liệu, an ninh mạng” như thành tố không thể tách rời trong tổng thể bảo vệ Tổ quốc (ĐCSVN, 2026). Ba văn kiện này tạo thành hệ thống, định hướng chiến lược toàn diện và nhất quán về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Bài viết làm rõ ba vấn đề cốt lõi: nội hàm của ngoại giao công nghệ và chủ quyền số; những vấn đề chiến lược mà Việt Nam đang đối diện; đề xuất một số định hướng, giải pháp đột phá để Việt Nam không bị tụt hậu, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên môi trường số, khẳng định vị thế quốc gia hùng cường trong trật tự thế giới mới đang định hình.

2. Nội dung

2.1. Nhận thức mới về ngoại giao công nghệ và chủ quyền số

Ngoại giao công nghệ - Trụ cột mới của tự chủ chiến lược

Trong bối cảnh địa chính trị hiện nay, quyền lực ngày càng gắn với khả năng kiểm soát công nghệ lõi, định hình tiêu chuẩn số toàn cầu và dẫn dắt các cơ chế quản trị không gian mạng quốc tế. Trong đó, ngoại giao công nghệ (*tech diplomacy*) nổi lên như trụ cột mới của tự chủ chiến lược quốc gia. Cần phân biệt rõ, *ngoại giao số* (*digital diplomacy*) đơn thuần là chính phủ sử dụng các nền tảng trực tuyến như công cụ truyền thông và vận động đối ngoại. Trong khi đó, *ngoại giao công nghệ* mang hàm nghĩa sâu rộng hơn, đó là quá trình đàm phán, kiến tạo đối thoại về chính sách kỹ thuật số toàn cầu giữa các quốc gia, khu vực tư nhân và xã hội, trong đó các tập đoàn công nghệ lớn cũng tham gia và là những tác nhân có ảnh hưởng địa chính trị trực tiếp (Bjola & Holmes, 2015).

Ngoại giao công nghệ thực hiện ba chức năng chiến lược then chốt. *Thứ nhất*, là “cầu nối” thu hút nguồn lực và tri thức công nghệ tiên tiến, đàm phán chuyển giao công nghệ trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. *Thứ hai*, bảo vệ lợi ích công nghệ quốc gia tại các cơ chế đa phương, ngăn chặn việc áp đặt những tiêu chuẩn bất bình đẳng. *Thứ ba*, chuyển từ ngoại giao hỗ trợ truyền thống sang ngoại giao *dẫn dắt*, chủ động tham gia định hình các quy tắc và chuẩn mực công nghệ quốc tế thay vì tiếp nhận một cách thụ động những điều kiện mà các cường quốc áp đặt. Như vậy, trong kỷ nguyên số hiện nay, ngoại giao công nghệ không còn là lựa chọn, mà là yêu cầu bắt buộc của mọi nền ngoại giao hiện đại.

Chủ quyền số - Biên giới mềm và mặt trận mới của an ninh quốc gia

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra, chủ quyền quốc gia không còn chỉ giới hạn ở lãnh thổ, lãnh hải hay vùng trời. Không gian mạng đã trở thành vùng chủ quyền thứ tư với những lợi ích sống còn mà các quốc gia phải bảo vệ.

Chủ quyền số (digital sovereignty) là năng lực của một quốc gia kiểm soát, quản lý và bảo vệ không gian số của mình. Các học giả Pohle và Thiel (2020) xác định bốn chiều cạnh của chủ quyền số, bao gồm: *Chủ quyền dữ liệu* là quyền kiểm soát việc thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu trên lãnh thổ quốc gia. Dữ liệu đã trở thành “dầu mỏ của thế kỷ XXI” và ai kiểm soát dữ liệu, người đó nắm quyền lực. *Chủ quyền hạ tầng* là quyền làm chủ các lớp vật lý và kỹ thuật của không gian số, như cáp quang biển, vệ tinh, trạm phát sóng, trung tâm dữ liệu. *Chủ quyền quy phạm* là năng lực ban hành và thực thi pháp luật đối với các hoạt động số trên lãnh thổ quốc gia, kể cả khi chủ thể gây ra hành vi đó đặt trụ sở ở nơi khác. *Chủ quyền nhận thức* là khả năng duy trì môi trường thông tin lành mạnh, bảo đảm người dân tiếp cận thông tin trung thực và đưa ra quyết định có căn cứ. Đây cũng là chiều cạnh dễ bị xói mòn nhất và khó phục hồi nhất (Couture & Toupin, 2019).

Ngoại giao công nghệ và chủ quyền số là hai mặt của một chiến lược thống nhất. Ngoại giao công nghệ là công cụ để củng cố chủ quyền số, thông qua các cơ chế đa phương, Việt Nam có thể đàm phán các điều kiện công bằng hơn, ngăn ngừa áp đặt tiêu chuẩn bất lợi, và xây dựng liên minh với các quốc gia có lợi ích tương đồng. Ngược lại, chủ quyền số vững chắc là tiền đề để thực hiện ngoại giao công nghệ tự tin và hiệu quả, một quốc gia không kiểm soát được hạ tầng số, không bảo vệ được dữ liệu công dân, không duy trì được môi trường thông tin lành mạnh thì không thể ngồi vào bàn đàm phán công nghệ quốc tế với vị thế bình đẳng.

Nhận thức biện chứng này là sự kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Triết lý “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, kiên định mục tiêu độc lập, chủ quyền dân tộc; linh hoạt, sáng tạo trong sách lược chính là kim chỉ nam để Việt Nam xây dựng nền ngoại giao công nghệ mang bản sắc riêng, không phụ thuộc đơn chiều vào bất kỳ chủ thể nào, duy trì quan hệ đa dạng và có nguyên tắc, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong không gian số (Nguyễn Dỵ Niên, 2002).

Kế thừa và kiên định tư duy đó, Đảng ta đã không ngừng hoàn thiện nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia trong điều kiện mới. Đại hội XII xác định, bảo đảm “an ninh xã hội, an ninh con người” (ĐCSVN, 2016), Đại hội XIII chỉ rõ yêu cầu bảo đảm “an ninh mạng” (ĐCSVN, 2021). Đến Đại hội XIV, Đảng ta đã nâng tầm khẳng định, bảo vệ “an ninh dữ liệu, an ninh mạng” như thành tố không thể tách rời trong bảo vệ Tổ quốc (ĐCSVN, 2026). Đây là sự phát triển lý luận có tính hệ thống, phản ánh tư duy chiến lược ngày càng hoàn thiện của Đảng trước đòi hỏi thực tiễn của kỷ nguyên số.

2.2. Bối cảnh toàn cầu và những thách thức chiến lược đối với Việt Nam

Thế giới đang bước vào giai đoạn cạnh tranh chiến lược toàn diện. Cạnh tranh cường quốc Mỹ - Trung đã chuyển trọng tâm sang công nghệ cốt lõi: chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, điện toán lượng tử và hạ tầng số. Xu thế “friend-shoring” (tái cơ cấu chuỗi cung ứng theo trục đồng minh) và “on-shoring” (đưa sản xuất về trong nước) đang tạo ra áp lực phân tách công nghệ toàn cầu. Thế giới có nguy cơ hình thành hai hệ sinh thái công nghệ song song, mỗi hệ vận hành theo tiêu chuẩn, giao thức và chuỗi giá trị riêng biệt.

Đặc biệt, cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn đang diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt, gây áp lực ngày càng lớn đối với các quốc gia. Với vị thế địa chiến lược quan trọng trong khu vực, Việt Nam cũng đang đứng trước nguy cơ bị đẩy vào “thế kẹt” giữa các nước lớn trong chuỗi cung ứng công nghệ cao.

Đặc biệt, sự nổi lên của các tập đoàn hạ tầng số như những tác nhân địa chính trị độc lập đã tạo ra một loại thách thức quản trị hoàn toàn mới. Khi vận mệnh an ninh của một quốc gia được giao phó cho doanh nghiệp tư nhân, đây là sự “thuê ngoài năng lực chiến lược” (outsourcing of strategic capabilities) có mức độ rủi ro không thể đo lường được (Drezner, 2019). Bài học từ một số cuộc xung đột vũ trang gần đây, khi hạ tầng liên lạc của các quốc gia bị nhà cung cấp tư nhân hạn chế, là lời cảnh báo về an ninh cho mọi quốc gia trong kỷ nguyên số hiện nay.

Bối cảnh quốc tế đó vừa mang lại nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng đặt ra cho Việt Nam không ít thách thức, cụ thể:

Một là, nguy cơ tụt hậu do xuất phát điểm thấp. Nghị quyết 57 đã chỉ rõ: “tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi” (Bộ Chính trị, 2024). Hiện Việt Nam vẫn đang chủ yếu tham gia ở các khâu gia công, lắp ráp, phần có giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu. Điều này đặt ra đòi hỏi Việt Nam về nguy cơ bị ảnh hưởng nghiêm trọng và trực tiếp khi chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn.

Hai là, sự nổi lên của các vấn đề an ninh phi truyền thống. Năm 2024, Việt Nam ghi nhận hơn 13.000 vụ tấn công mạng nghiêm trọng (Ban Bí thư, 2026). Tội phạm công nghệ cao, gian lận tài chính số và các chiến dịch thao túng thông tin đang có chiều hướng gia tăng về quy mô và mức độ tinh vi. Nguy hiểm hơn, sự xói mòn bản sắc văn hóa trên không gian mạng, khi các nội dung độc hại, tuyên truyền xuyên tạc tràn vào không được kiểm soát sẽ là mối đe dọa lâu dài đối với chủ quyền quốc gia.

Ba là, rủi ro tiềm ẩn từ hợp tác công nghệ. Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn diễn ra trực diện và gay gắt, các nước lớn có xu hướng gia tăng ảnh hưởng bằng cách lôi kéo thêm đồng minh, gia tăng sự phụ thuộc của các nước khác, đặc biệt là về kinh tế và quốc phòng, thông qua kênh thỏa thuận hợp tác. Một số thỏa thuận đầu tư công

nghệ hấp dẫn về kinh tế nhưng tiềm ẩn các điều khoản ràng buộc dài hạn về dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật và phụ thuộc hạ tầng. Đây là những “bẫy công nghệ” mà Việt Nam phải tính đến trước khi nhận lời hợp tác với bất kỳ quốc gia nào

Bốn là, khoảng cách giữa tốc độ cải cách thể chế và sự phát triển công nghệ. Hiện nay, hành lang pháp lý về quản trị dữ liệu, kinh tế số và trí tuệ nhân tạo đang bộc lộ độ trễ so với thực tiễn. Sự vận động nhanh chóng của công nghệ đối lập với quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật vốn đòi hỏi nhiều thời gian, từ đó tạo ra những khoảng trống pháp lý. Điều này không chỉ gây khó khăn cho việc quản trị rủi ro mà còn làm chậm nhịp các cơ hội phát triển.

Vì vậy, cần thống nhất nhận thức biện chứng: bảo vệ chủ quyền số và phát triển kinh tế số là hai mặt thống nhất, không mâu thuẫn. Sức mạnh số không đơn thuần là nội dung của quốc phòng mà chính là động lực tăng trưởng kinh tế. Tinh thần này đã được khẳng định nhất quán trong Nghị quyết số 57-NQ/TW: chuyển đổi số phải gắn liền với bảo đảm chủ quyền, an ninh mạng và an toàn thông tin là “yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời” (Bộ Chính trị, 2024).

2.3. Một số định hướng

Một là, phát triển lực lượng sản xuất mới dựa trên phương thức sản xuất số

Đại hội XIV của Đảng xác định, mô hình tăng trưởng mới của Việt Nam phải “lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính” (ĐCSVN, 2026). Đây là bước chuyển nhận thức về phương thức sản xuất trong kỷ nguyên số, đòi hỏi sự thay đổi căn bản trong cách thức tổ chức sản xuất, phân bổ nguồn lực và tạo ra giá trị. Trong phương thức sản xuất số, dữ liệu là tư liệu sản xuất mới. Nếu dữ liệu của người Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam và hệ thống quản trị nhà nước Việt Nam không được kiểm soát và khai thác bởi chính người dân Việt Nam, đây là một dạng mất chủ quyền mới, tinh vi nhưng không kém phần nghiêm trọng.

Nghị quyết số 57-NQ/TW đã xác lập hệ mục tiêu định lượng cụ thể: đến năm 2030, kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GDP; Việt Nam gia nhập nhóm các quốc gia dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh số; hoàn thành phủ sóng 5G toàn quốc và tự chủ các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, bán dẫn và công nghệ lượng tử (Bộ Chính trị, 2024). Tính đến năm 2025, việc toàn bộ 34/34 tỉnh, thành phố đạt trạng thái “xanh” trong triển khai Nghị quyết đã ghi dấu một cột mốc quan trọng trong lộ trình thực thi (Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, 2025).

Bên cạnh đó, sự hiện diện của các hệ sinh thái sản phẩm “Make in Vietnam” tiêu biểu như mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt, hệ thống camera AI xử lý tại biên hay thiết bị bay không người lái đang trong giai đoạn thử nghiệm và nhân rộng là minh chứng cho năng lực nội sinh của Việt Nam (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2026).

Dù vậy, đây mới chỉ là những tín hiệu khả quan bước đầu, chưa tạo được cú hích mang tính đột phá toàn diện. Hành trình chuyển đổi số vẫn còn nhiều thách thức, đòi hỏi một quyết tâm chính trị xuyên suốt và tầm nhìn chiến lược dài hạn.

Hai là, định vị Việt Nam là quốc gia tầm trung có trách nhiệm về công nghệ

Trong trật tự thế giới đang định hình, các quốc gia tầm trung có lợi thế đặc biệt: đủ lớn để có tiếng nói, đủ linh hoạt để không bị ràng buộc vào một cực duy nhất. Việt Nam có thể khai thác lợi thế này trong lĩnh vực công nghệ, thông qua ba khía cạnh:

Thứ nhất, chủ động tham gia xây dựng “luật chơi” toàn cầu. Việt Nam cần tham gia với tư cách người đề xuất và bảo vệ lập trường, chứ không dừng lại ở vị trí quan sát.

Thứ hai, chủ động phát huy vai trò trung gian và khả năng điều phối chiến lược. Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung diễn biến phức tạp, Việt Nam cần định vị hình ảnh một “tác nhân trung thực”, kiên định nguyên tắc tự chủ và không chọn bên để kết nối, điều hòa các dòng lợi ích đối lập. Cần nhận thức rằng, đây không phải là biểu hiện của một vị thế thụ động hay yếu thế, mà trái lại, là sự khẳng định một không gian chiến lược có giá trị cao. Trong một thế giới đang đứng trước nguy cơ phân mảnh và đứt gãy các chuỗi giá trị toàn cầu bởi sự phân cực công nghệ, vai trò “cầu nối” này chính là yếu tố then chốt giúp Việt Nam vừa bảo đảm an ninh quốc gia, vừa khai thác tối đa các cơ hội phát triển từ cả hai hệ sinh thái.

“

Việt Nam hoàn toàn có đủ điều kiện để xây dựng một nền ngoại giao công nghệ mang bản sắc cây tre, bám rễ vững chắc vào lợi ích quốc gia - dân tộc, uyển chuyển trong hội nhập, kiên định trong nguyên tắc

Thứ ba, thúc đẩy xây dựng liên minh “đoàn kết số” (digital solidarity) trong cộng đồng các nước đang phát triển. Thực tiễn cho thấy, nhu cầu tiếp cận tinh hoa công nghệ của phần lớn các quốc gia luôn song hành cùng khát vọng bảo vệ quyền tự chủ chiến lược, kiên định mục tiêu không lệ thuộc đơn phương vào các cực quyền lực. Dù có chung ý chí tham gia kiến tạo các chuẩn mực số toàn cầu, song các quốc gia này thường gặp trở ngại do tiếng nói riêng lẻ thiếu trọng lượng trên bàn cân quốc tế. Trong bối cảnh đó, việc hình thành các liên minh, đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN và Liên hợp quốc, là lộ trình tất yếu để chuyển hóa vị thế đơn lẻ thành sức mạnh tổng hợp, thay thế sự yếu thế bằng một thực thể hợp tác có tầm vóc và sức ảnh hưởng trong các cơ chế quản trị số đa phương (Gurumurthy & Chami, 2022).

Ba là, xây dựng “thế trận lòng dân” trên không gian mạng

Bảo vệ chủ quyền số không chỉ là nhiệm vụ của hệ thống kỹ thuật. Đây trước hết là nhiệm vụ của từng cán bộ, đảng viên và mỗi người dân Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về “thế trận lòng dân” và nền quốc phòng toàn dân bắt nguồn từ sự đồng thuận và ý chí của nhân dân, hoàn toàn có thể và cần phải được triển khai trên không gian số.

Bảo vệ chủ quyền trên không gian mạng trước hết phải được xây dựng trên nền tảng *văn hóa số*, năng lực nhận diện và phòng chống thông tin giả, khả năng bảo vệ thông tin cá nhân, ý thức quyền và trách nhiệm của công dân số, tinh thần tự hào về bản sắc văn hóa Việt Nam trên không gian mạng và *bản lĩnh chính trị số* với khả năng không bị dao động, không bị thao túng bởi các chiến dịch tuyên truyền độc hại từ bên ngoài. Kế hoạch 17-KH/BCĐ năm 2026 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng đã xác định yêu cầu “bảo vệ bản quyền nội dung số của Đảng và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc sử dụng công nghệ cao (Deepfake)” (Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, 2026). Đây là bước tiến quan trọng, nhưng mới là bước đầu. Mỗi cơ quan, tổ chức đảng và mỗi công dân đều cần được trang bị kiến thức, kỹ năng và ý thức để trở thành lực lượng bảo vệ không gian số quốc gia.

2.4. Giải pháp đột phá củng cố chủ quyền số và ngoại giao công nghệ

Một là, đột phá về thể chế

Nghị quyết 57 xác định thể chế là “điều kiện tiên quyết”. Không có thể chế phù hợp, mọi chiến lược công nghệ đều mắc kẹt ngay từ đầu.

Yêu cầu cụ thể, *trước tiên* là *hoàn thiện hành lang pháp lý cho kinh tế số*: xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân độc lập, thành lập cơ quan bảo vệ dữ liệu quốc gia đủ thẩm quyền, hoàn thiện khung pháp lý về tài sản số và các mô hình kinh doanh mới dựa trên AI. *Tiếp theo* là *cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox)*: thay vì chờ pháp lý hoàn chỉnh mới cho phép thử nghiệm, cần tạo không gian thử nghiệm có giám sát, là cách Singapore và Estonia đã rút ngắn khoảng cách giữa thể chế và công nghệ. *Thứ ba* là *hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia*: tiêu chuẩn là vũ khí cạnh tranh trong kỷ nguyên số, quốc gia nào thiết lập được tiêu chuẩn thì sẽ có thể kiểm soát được chuỗi giá trị. Thực hiện Nghị quyết 57, cần “khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, sở hữu trí tuệ”, thể chế phải đi trước một bước, không phải chạy theo sau (Bộ Chính trị, 2024).

Hai là, đột phá về nguồn nhân lực

Công nghệ do con người tạo ra, vận hành và định hướng. Không có nguồn nhân lực số chất lượng cao, mọi đầu tư vào hạ tầng và thể chế đều kém hiệu quả.

Ưu tiên số một là đào tạo đội ngũ cán bộ ngoại giao công nghệ: vừa am hiểu sâu về công nghệ, vừa thành thạo luật pháp quốc tế, vừa có bản lĩnh chính trị vững

chắc và tầm nhìn chiến lược. Đây là đội ngũ nhân tài hiếm nhất và cũng cấp thiết nhất hiện nay, là những người sẽ đàm phán với các tập đoàn công nghệ lớn, đại diện Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế về AI và quản trị số.

Ưu tiên số hai là phát huy nguồn lực trí thức kiều bào tại các trung tâm công nghệ như Silicon Valley, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản. Họ là cầu nối, kết nối tri thức và công nghệ tiên tiến thế giới về phục vụ Tổ quốc. Nghị quyết 57 đã mở không gian chính sách, khẳng định “trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật” và yêu cầu xây dựng “chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số” (Bộ Chính trị, 2024). Điều này cần được chuyển hóa thành cơ chế đãi ngộ, điều kiện làm việc và môi trường nghiên cứu cụ thể, hấp dẫn thực sự.

Ưu tiên số ba là phổ cập văn hóa số và kỹ năng số toàn dân. Đây là nhiệm vụ toàn xã hội, không phải của riêng ngành giáo dục. Người dân được trang bị kỹ năng số sẽ trở thành lực lượng bảo vệ chủ quyền số đông đảo và hiệu quả nhất. Phổ cập kỹ năng số, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền và thế hệ, đây là nền tảng dân chủ số của kỷ nguyên mới (ĐCSVN, 2026).

Ba là, tăng cường nội lực kinh tế và năng lực quốc phòng

Về kinh tế, mục tiêu rõ ràng là xây dựng các tập đoàn công nghệ số quốc gia đủ lớn, đủ mạnh để dẫn dắt hệ sinh thái đổi mới sáng tạo “Make in Vietnam”. Đại hội XIV xác định, kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế” (ĐCSVN, 2026), tạo không gian chính sách rõ ràng để các doanh nghiệp công nghệ tư nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ và đóng vai trò dẫn dắt.

Về quốc phòng, phát triển công nghiệp quốc phòng và an ninh lưỡng dụng, làm chủ công nghệ tác chiến không gian mạng là yêu cầu không thể trì hoãn. Không gian mạng đã chính thức trở thành “không gian tác chiến thứ năm” sau đất, biển, trời và vũ trụ. Ban Bí thư đã nhận định: “công tác bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật đơn thuần mà là vấn đề an ninh quốc gia, chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị và năng lực cạnh tranh quốc gia” (Ban Bí thư, 2026). Năng lực phòng thủ chủ động trên không gian mạng do đó là bộ phận không thể tách rời của sức mạnh quốc phòng tổng hợp trong thế kỷ XXI.

Bốn là, xây dựng mô hình “ngoại giao công nghệ cây tre”

Kế thừa triết lý “Dĩ bất biến ứng vạn biến” và tư tưởng “ngoại giao cây tre” (Nguyễn Phú Trọng, 2023) Việt Nam cần xây dựng mô hình *ngoại giao công nghệ cây tre* mang bản sắc riêng.

Gốc vững chính là bảo vệ không thương lượng các tài sản số chiến lược, dữ liệu quốc gia, lợi ích quốc gia - dân tộc trong không gian số. Đây là cái “bất biến”, là ranh giới không được phép nhân nhượng dù dưới bất kỳ áp lực hay hình thức hợp tác nào. *Thân chắc* là xây dựng năng lực kỹ thuật và thể chế nội sinh. Không thể

có ngoại giao công nghệ mạnh khi năng lực công nghệ nội địa yếu. *Cành uyển chuyển* là sự hội nhập chọn lọc, đa dạng hóa đối tác, tránh phụ thuộc đơn chiều vào bất kỳ quốc gia hay tập đoàn nào. Đây là “vạn biến”, sự linh hoạt trong sách lược, khai thác tối đa cơ hội từ nhiều nguồn.

Để vận hành mô hình này, cần khẩn trương nghiên cứu thành lập đơn vị ngoại giao công nghệ chuyên trách thuộc Bộ Ngoại giao với chức năng theo dõi xu thế công nghệ toàn cầu, tham mưu chính sách và tổ chức đàm phán với các tập đoàn công nghệ lớn. Mô hình tham chiếu có thể học hỏi từ Đan Mạch (Tech Ambassador từ năm 2017) và Pháp (Ambassadeur pour le numérique từ năm 2017), (Danish Ministry of Foreign Affairs, 2017) phù hợp với tinh thần “đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế” mà Nghị quyết 59 đặt ra (Bộ Chính trị, 2025).

3. Kết luận

Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc đòi hỏi sự đổi mới toàn diện về tư duy, nhận thức trong không gian số. Ngoại giao công nghệ là xu thế tất yếu, đang hiện diện ngay trong từng cuộc đàm phán đầu tư FDI về công nghệ, trong từng quyết định về tiêu chuẩn kỹ thuật tại các diễn đàn quốc tế, trong từng điều khoản hợp đồng về dữ liệu và hạ tầng số. Bảo vệ chủ quyền số không phải là nhiệm vụ quốc phòng đơn thuần, đó là nhiệm vụ phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo vệ quyền lợi của từng người dân Việt Nam trong không gian số ngày càng rộng mở nhưng cũng ngày càng phức tạp.

Kế thừa truyền thống ngoại giao “dĩ bất biến ứng vạn biến”, phát huy bản lĩnh tự chủ chiến lược qua lịch sử, với tinh thần không ngừng đổi mới và khát vọng vươn mình, Việt Nam hoàn toàn có đủ điều kiện để xây dựng một nền ngoại giao công nghệ mang bản sắc cây tre, bám rễ vững chắc vào lợi ích quốc gia - dân tộc, uyển chuyển trong hội nhập, kiên định trong nguyên tắc. Đó là con đường để Việt Nam làm chủ vận mệnh quốc gia trong kỷ nguyên số, góp phần thực hiện thắng lợi khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, thịnh vượng sánh vai các cường quốc vào năm 2045.

Ngày nhận bài: 8/4/2026; Ngày bình duyệt: 5/5/2026; Ngày quyết định đăng: 23/5/2026.

Email tác giả: nntrangthu@gmail.com

Aaronson, S. A. (2019). Data is different: Why the world needs a new approach to governing cross-border data flows. *Digital Policy, Regulation and Governance*, 21(5), 441-460.

Ban Bí thư (2026). *Chỉ thị về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị*. (Thông tin về số liệu tấn công mạng trích theo Báo Nông nghiệp và Môi trường ngày 28-01-2026).

Ban Chỉ đạo Chuyên đổi số trong các cơ quan Đảng (2026). *Kế hoạch số 17-KH/BCĐ ngày 31-01-2026 về thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026*.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (2025). *Báo cáo tiến độ triển khai Nghị quyết 57*. (Trích theo Cổng Thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ tháng 8-2025).

Bjola, C., & Holmes, M. (Eds.). (2015). *Digital diplomacy: Theory and practice*. Routledge.

Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24-01-2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới*. Báo điện tử Chính phủ.

Bộ Khoa học và Công nghệ (2026). *Đột phá theo Nghị quyết 57: Tạo động lực mới cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*. Cổng Thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31-5-2025 ban hành Chương trình hành động triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW*.

Couture, S., & Toupin, S. (2019). What does the concept of sovereignty mean in digital, network and technological sovereignty? *New Media & Society*, 21(10), 2305-2322.

Danish Ministry of Foreign Affairs (2017, January 27). *Denmark appoints world's first tech ambassador* [Press release].

Drezner, D. W. (2019). The technologist versus the Westphalian: When the internet meets international relations. *Journal of Information Technology & Politics*, 16(3), 244-250.

ĐCSVN (2026). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*. Tạp chí Cộng sản điện tử.

ĐCSVN (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

ĐCSVN (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập 1). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Gurumurthy, A., & Chami, N. (2022). A new social contract for the digital age. *Development*, 65(1-4), 52-58.

Nguyễn Dy Niên (2002). *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị quốc gia.

Nguyễn Phú Trọng (2023). *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang bản sắc "cây tre Việt Nam"*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Pohle, J., & Thiel, T. (2020). Digital sovereignty. *Internet Policy Review*, 9(4). <https://doi.org/10.14763/2020.4.1532>

Strange, S. (1994). *States and markets* (2nd ed.). Pinter.

United Nations Secretary-General (2020). *Roadmap for digital cooperation*.